

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 108 / 2014 / BC-HĐQT

Cam Ranh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM.**
Năm báo cáo : 2013.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4200464415 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12 tháng 04 năm 2012 .
- Vốn điều lệ: 24.436.800.000 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*).
- Địa chỉ: Số 35 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Số điện thoại: (058) 3854312. Số fax: (058) 3854347.
- Website: www.cafico.vn
- Mã cổ phiếu: **CFC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:

+Việc thành lập :

Thành lập lần đầu ngày 17/1/1984 theo Quyết định số 91/UB-TC của UBND tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa).

Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 372QĐ/UB ngày 26.02.1993 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 797/QĐ/TTg ngày 02/07/2001 của Thủ tướng chính phủ.

+ Niêm yết : UPCoM. Ngày bắt đầu giao dịch UPCoM: 24/06/2009.

- Các sự kiện khác: đăng ký thay đổi kinh doanh lần 2 ngày 27 tháng 4 năm 2007 đổi tên công ty từ Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh thành Công ty cổ phần Cafico Việt Nam; đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 10 năm 2008 thay đổi vốn điều lệ thành 16.291.200.000 đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13

tháng 5 năm 2009 thay đổi số đăng ký kinh doanh đồng nhất với mã số thuế (4200464415); đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 11 năm 2009 đăng ký các đơn vị trực thuộc Công ty; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 5 tháng 4 năm 2010 thay đổi tên tiếng Anh của Công ty “Cafico Vietnam joint stock company” thành “ Cafico Vietnam corporation”; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 9 năm 2010 đăng ký văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 1 năm 2011 thay đổi địa phương thị xã Cam Ranh thành thành phố Cam Ranh; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 6 năm 2011 thay đổi vốn điều lệ thành 24.436.800.000đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 10 năm 2011 thay đổi số nhà của trụ sở chính Công ty (số cũ 09 số mới 35 đường Nguyễn Trọng Kỳ); đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12 tháng 04 năm 2012 thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty (thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc thành Chủ tịch HĐQT).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

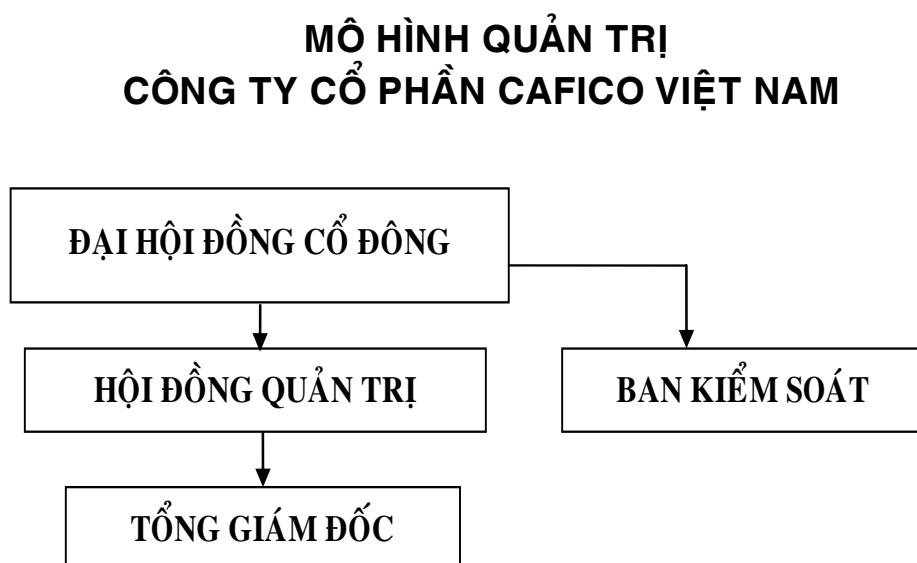
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Chế biến và kinh doanh thủy sản các loại; sản xuất và kinh doanh nước đá.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

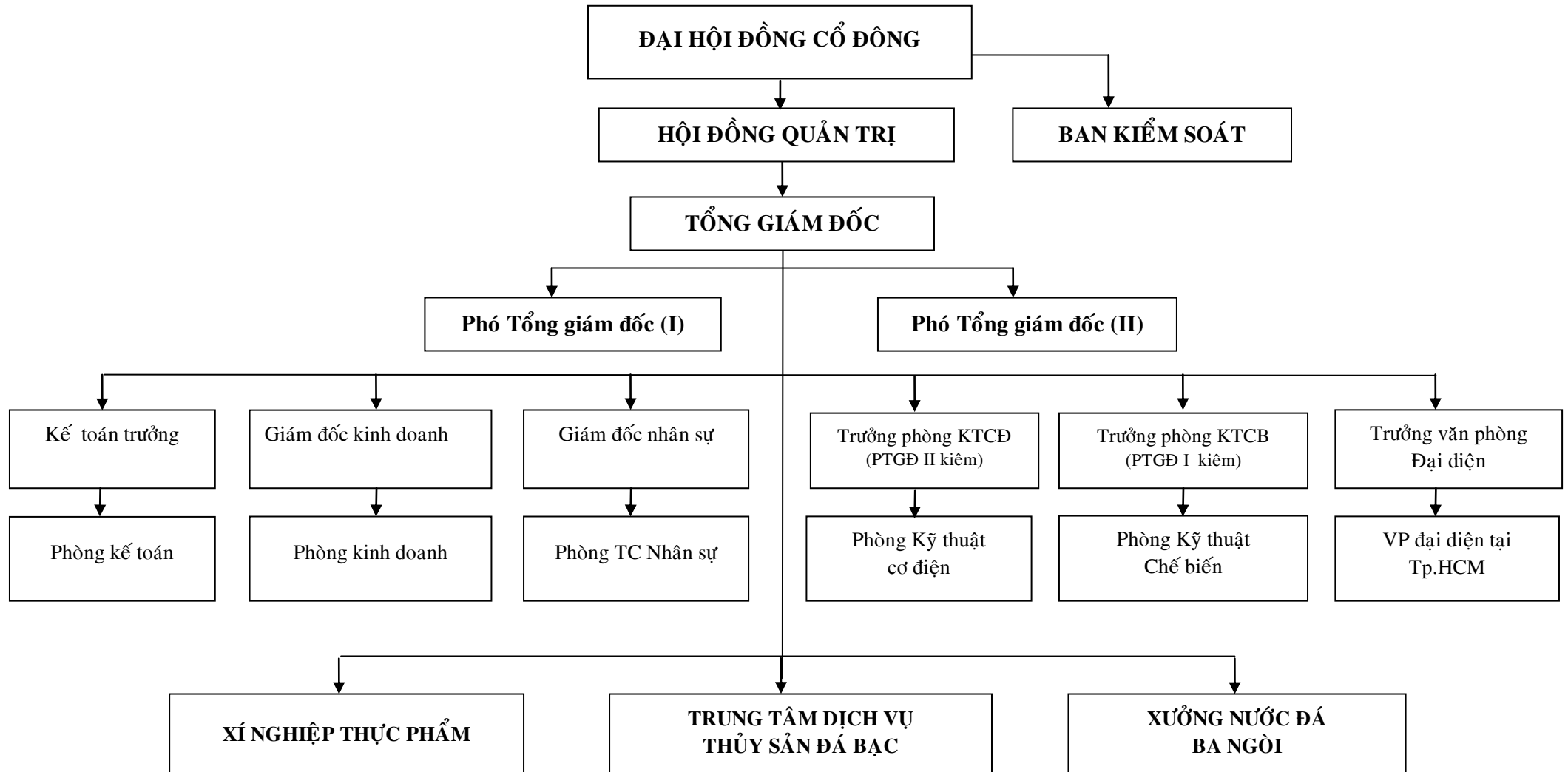
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị công ty:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết: (*Không có*)

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2014 :

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD :

Tổng doanh thu : 160 tỷ VNĐ.

Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu : 09 triệu USD;

trong đó, giá trị kim ngạch xuất khẩu : 07 triệu USD.

Lợi nhuận : 05 tỷ VNĐ.

Cổ tức : 10% mệnh giá.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản. Sắp xếp, bố trí lại và đầu tư hợp lý hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị nhằm bảo đảm ổn định, duy trì mức sản xuất và hiệu quả hợp lý hiện hữu, đồng thời tăng cường tích lũy về lượng để có thể phát triển nhanh hơn, biến đổi về chất vào những năm 2015-2020 .

Một số nhiệm vụ cụ thể:

Đầu tư ở quy mô hợp lý nhằm hợp lý hóa sản xuất, duy trì ổn định sản xuất: đầu tư ổn định, nâng cấp cho sản xuất, chế biến thủy sản; hợp lý hóa lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nước đá; nghiên cứu, đầu tư sử dụng mặt bằng tại xưởng nước đá Ba Ngòi thay cho sản xuất nước đá khi có điều kiện.

Doanh số xuất khẩu phấn đấu đạt bình quân hàng năm 7 triệu USD trở lên.

Duy trì và bảo đảm mức cổ tức bình quân hàng năm đạt 15% mệnh giá trở lên.

Cố gắng tích lũy để bảo đảm sự phát triển giai đoạn 2015 về sau.

Ngoài lĩnh vực chế biến thủy sản, khi có điều kiện thuận lợi Công ty sẽ đầu tư vào lĩnh vực khác như dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn và lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng, thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:

Đã đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, tiếp tục đầu tư chi phí vận hành hệ thống để bảo đảm tốt nhất cho hoạt động sản xuất chế biến thủy sản của Công ty, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với trách nhiệm xã hội và cộng đồng, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ổn định nhằm bảo đảm việc làm và đời sống của người lao động liên tục trong năm, để người lao động ổn định được cuộc sống gia đình, yên tâm làm việc; đồng thời cũng là mục tiêu quan trọng trong việc góp phần vào nhiệm vụ bảo đảm việc làm cho lực lượng lao động ở địa phương.

6. Các rủi ro:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xuất, nhập khẩu. Những rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu nhiều và đa dạng. Tùy theo mức độ, rủi ro có thể gây ra những thiệt hại về tài chính. Vì vậy Công ty đã có những giải pháp song song với những quyết định trong kinh doanh. Tất cả các công việc được tiến hành nhằm hạn chế các rủi ro hoặc giảm thiểu mức tổn thất thấp nhất do rủi ro mang lại.

Trong hoạt động kinh doanh, có nhiều rủi ro trong đó một số rủi ro chính Công ty đặc biệt quan tâm là :

- Rủi ro về kinh tế :

+ Rủi ro về sự biến động của giá và sản lượng thu mua: Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu thủy sản, việc giá thu mua biến động là một trong những rủi ro dễ gặp và gây ra những tác động vô cùng xấu. Giá trong thời điểm Công ty ký hợp đồng xuất khẩu với đối tác và giá khi thu mua thường biến động rất nhiều.

Để hạn chế rủi ro trên, lãnh đạo Công ty có những dự đoán về thị trường trong tương lai để có những chính sách về giá, phương pháp thu mua nguyên liệu trong hiện tại. Ngoài ra, Công ty quản lý chặt chẽ trong suốt quá trình từ việc hoạch định, tìm nguồn hàng, người cung cấp... cho đến việc nắm rõ đối thủ cạnh tranh, từ đó có những giải pháp tích cực trong công tác thu mua.

Sản lượng thu mua thủy sản chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, mùa vụ đánh bắt trong nước và trên thế giới. Việc đánh bắt thủy sản mang tính thời vụ rất cao và giá nguyên liệu tại các thời điểm trong năm cũng khác nhau. Ngoài ra, giá nguyên liệu trên thế giới ảnh hưởng mạnh đến giá xuất khẩu thành phẩm. Đây là tính chất đặc thù của ngành thủy sản. Trong điều kiện không ổn định, việc mua nguyên liệu dự trữ để đảm bảo sản xuất nhằm đảm bảo sản xuất và có lợi nhuận trong tương lai. Tìm kiếm lợi nhuận càng lớn đồng nghĩa với việc phải đối mặt với rủi ro càng nhiều. Vì vậy, lãnh đạo Công ty phải cân nhắc, xem xét nhiều yếu tố, tính toán để quyết định giá mua nguyên liệu mang tính cạnh tranh trong từng thời điểm, đồng thời ký các hợp đồng ngoại thương trong thời gian ngắn để giảm thiểu rủi ro do giá và sản lượng thu mua mang lại.

+ Rủi ro trong thanh toán: Ngoài việc lựa chọn khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán, Công ty đã xem xét kỹ lưỡng các điểm trong các hợp đồng xuất, nhập khẩu trước khi ký kết. Mặt khác, Công ty đã lựa chọn các ngân hàng lớn, hoạt động ổn định và có nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế để thực hiện.

+ Rủi ro tín dụng: Trong năm qua, nguồn vốn của ngân hàng đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn kịp thời cho Công ty với lãi suất phù hợp. Công ty đã thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn nên mối quan hệ giữa Công ty và các ngân hàng rất tốt, vì vậy Công ty không rơi vào tình trạng thiếu vốn sản xuất.

+ Rủi ro về nguồn nhân lực: Để hạn chế rủi ro do sử dụng nguồn nhân lực không hợp lý, dẫn đến sai sót cả về chiến lược lẫn vận hành trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, lãnh đạo Công ty đã có những chiến lược kinh doanh đúng đắn, sử dụng tốt cán bộ cấp cao có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, đặc biệt là trình độ về ngoại thương. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật cũng như điều hành đội ngũ công nhân trực tiếp thực hiện đúng quy trình, quy phạm trong sản xuất để sản phẩm bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng. Tuy hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm thấp, nhưng Công ty đã trả tiền công phù hợp với điều kiện và năng suất lao động của người lao động, tạo việc làm ổn định nên người lao động yên tâm làm việc, Công ty giữ được nguồn lực.

+ Rủi ro về luật pháp :

Để phòng chống các rủi ro liên quan đến pháp lý, lãnh đạo Công ty luôn nâng cao nhận thức của mình về pháp luật thương mại quốc tế, chủ động tìm hiểu những quy định pháp lý liên quan đến công tác xuất nhập khẩu để có những đối sách hợp lý trong vấn đề ký kết các hợp đồng ngoại thương.

Thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin về pháp luật, thị trường của các quốc gia khác, thu thập thông tin về sự thay đổi của thị trường, pháp lý của các quốc gia đó.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Tổng doanh thu : 140.218.308.286 VNĐ, đạt 87,6% kế hoạch năm; bằng 87,5 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Giá trị kim ngạch XNK: 8.715.278 USD, đạt 96,8% kế hoạch năm; bằng 89,8 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Lợi nhuận : -1.749.896.620 VNĐ.

- Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Trong điều kiện nguyên liệu mực trong nước mất mùa, sản lượng khai thác của ngư dân hạn chế, Công ty đã thực hiện nhập khẩu mực nguyên liệu để duy trì ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, cung cấp sản phẩm để giữ khách hàng và thị trường xuất khẩu.

Năm 2013 kết quả SXKD của công ty lỗ, do giá nguyên liệu và chi phí đầu vào tăng, giá bán sản phẩm giảm, cụ thể:

Về nguyên liệu, Công ty đã triển khai nhập khẩu nguyên liệu, bảo đảm được lượng nguyên liệu mực để duy trì sản xuất liên tục, nhưng do cạnh tranh

trong điều kiện thị trường khan hiếm nên chất lượng nguyên liệu không tốt, làm cho chi phí nguyên liệu tăng.

Các loại chi phí vật tư, điện nước phục vụ cho sản xuất tăng.

Ngoài việc bảo đảm tăng tiền lương theo thu nhập thực tế để người lao động yên tâm làm việc, Công ty đã thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động theo mức tăng tiền lương tối thiểu vùng của Chính phủ, làm cho chi phí sử dụng lao động tăng cao.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu là Nhật Bản. Trong năm qua thị trường này đã có những biến động phức tạp, đồng Yên giảm giá, cho nên khâu tiêu thụ sản phẩm của công ty rất khó khăn; khách hàng tiêu thụ đã giảm giá rất nhiều, mặc dù Công ty đã có sự cố gắng trong thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhưng cũng không bảo đảm được hiệu quả sản xuất.

Trong năm Công ty đã tổ chức sản xuất liên tục nhưng do hạn chế về nguyên liệu và thị trường tiêu thụ nên không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra và thấp hơn mức thực hiện các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành : (*Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng*) .

. Ông **Nguyễn Quang Tuyền**, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.

Họ và tên:	NGUYỄN QUANG TUYẾN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12.09.1962
Nơi sinh:	Hàm Tân, Bình Thuận
CMND số : 024335410	Ngày cấp : 20.04.2005, tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Chợ Mới, An Giang.
Địa chỉ thường trú:	35 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(058) 3854311
Trình độ học vấn :	Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

06.1984 – 08.1985 : Trưởng Phòng kế hoạch Công ty thủy sản Cam Ranh.

09.1985 – 08.1991 : Phó Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

09.1991 – 10.2001 : Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

11.2001 – 04.2007 : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

05.2007 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ : 279.600 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: 5.100

Cổ phần nắm giữ: 279.600 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Bà **Lê Thị Ngọc Lan**, thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc.

Họ và tên: LÊ THỊ NGỌC LAN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 21.11.1961

Nơi sinh: Diên Khánh, Khánh Hòa.

CMND số : 220071597 Ngày cấp : 30.10.2008, tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diên Khánh, Khánh Hòa.

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (058) 3854312

Trình độ học vấn : Đại học.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản.

Quá trình công tác:

12.1984 – 03. 1986 : Phó Phòng Kế hoạch Công ty thủy sản Cam Ranh.

04.1986 – 11.1992 : Trưởng Phòng Kỹ thuật ; Quản đốc Nhà máy đông lạnh Công ty thủy sản Cam Ranh.

12.1992 – 10.2001 Phó giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

11.2001 – 04.2007 : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

05.2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị , Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ : 72.000 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không).

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không) .

Cổ phần nắm giữ: 72.000 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Ông **Đỗ Tri**, Phó tổng giám đốc .

Họ và tên:	ĐỖ TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10.4.1961
CMND số : 220779205	Ngày cấp : 28.8.2002, tại CA Khánh Hòa
Nơi sinh:	Mộ Đức, Quang Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Phường Cam Lộc, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(058) 3854312
Trình độ học vấn :	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí thủy sản
Quá trình công tác:	
02.1990 – 05.1990 :	Cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy đông lạnh thuộc Cty thủy sản Cam Ranh.
06.1990 – 08.1999 :	Phó quản đốc Nhà máy đông lạnh – Cty thủy sản Cam Ranh.
09. 1999 – 10.2001 :	Trưởng Phòng kỹ thuật Cty thủy sản Cam Ranh.
11.2001 – 1.2005 :	Trưởng Phòng kỹ thuật Cty cổ phần thủy sản Cam Ranh.
02.2005 – 04.2007 :	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó giám đốc Cty cổ phần thủy sản Cam Ranh.
05.2007 đến nay :	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó tổng giám đốc Công ty.
Số cổ phần nắm giữ	19.200 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật:	(Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

Cổ phần nắm giữ: 19.200 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Bà **Lê Thị Thu Hà**, Kế toán trưởng

Họ và tên: LÊ THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26.08.1963

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa

CMND số : 220315931 Ngày cấp : 25.08.1999 tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (058) 3854312

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

6.1986 - 3.1993 : Kế toán viên Công ty Thủy sản Cam Ranh

4.1993 -10.2001 : Phó phòng kế toán Công ty Thủy Sản Cam Ranh.

11.2001 - 4.2007 : Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh

5.2007 - 4.2008 : Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

5.2008 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng công ty

Số cổ phần nắm giữ : (không)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

+ Tổng số CBCN trong Công ty (có đến ngày 31.12.2013): 316 người . Trong đó, nam : 86 người; nữ : 230 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

Công ty thực hiện trả lương theo phương thức khoán sản phẩm; thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN và BHTT cho cán bộ công nhân.

Trong năm 2013 Công ty đã thực hiện tăng lương chính cho người lao động theo Nghị định tăng lương tối thiểu vùng của Chính phủ; thực hiện nâng bậc, nâng lương hàng năm, đồng thời tăng đơn giá tiền lương để tăng thu nhập cho người lao động, bảo đảm đời sống của họ theo mức tăng giá của thị trường, động viên kịp thời người lao động yên tâm làm việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: (Không có)

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

*Đơn vị tính: **Đông***

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>
Tổng giá trị tài sản	75.040.593.403	57.638.781.420
Doanh thu thuần	160.254.685.734	140.218.308.286
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.433.093.100	(2.017.670.223)
Lợi nhuận khác	61.809.821	267.773.603
Tổng lợi nhuận trước thuế	10.494.902.921	(1.749.896.620)
Lợi nhuận sau thuế	9.875.628.196	(1.749.896.620)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.057	(719)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

<i>ST T</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ <i>Nợ ngắn hạn</i> - Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - <i>Hàng tồn kho</i>) / <i>Nợ ngắn hạn</i>	1,55 0,56	1,87 0,51	
2	Cơ cấu vốn - Hệ số nợ / Tổng tài sản - Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,53 1,13	0,42 0,73	
3	Năng lực hoạt động - Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i> - Doanh thu thuần / Tổng tài sản	3,90 2,14	4,78 2,43	
4	Khả năng sinh lời - Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần - Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu - Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	6,16% 28,09% 13,16% 6,51%	-1,25% -5,24% -3,04% -1,43%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 2.443.680 cổ phần
- Trong đó cổ phần phổ thông : 2.443.680 cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.224.280 cổ phần

-Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ Công ty: 210.000 cổ phần; trong đó số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên HĐQT là: 30.000 cổ phần/ thành viên và Ban kiểm soát là 20.000 cổ phần/ thành viên.

b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 13/02/2014).

- Cơ cấu cổ đông

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Nhà nước	0	0	0	0
2	Trong Công ty	38	854.095	8.540.950.000	34,95
2.1	Pháp nhân	1	9.400	94.000.000	0,38
2.2	Thể nhân	37	844.695	8.446.950.000	34,57
3	Ngoài Công ty	108	1.557.835	15.578.350.000	63,75
3.1	Pháp nhân	0	0	0	0
3.2	Thể nhân	108	1.557.835	15.578.350.000	63,75
4	Nước ngoài	04	31.750	317.500.000	1,30
4.1	Pháp nhân	0	0	0	0
4.2	Thể nhân	04	31.750	317.500.000	1,30
	Tổng cộng	150	2.443.680	24.436.800.000	100,00

- Cổ đông lớn (5% vốn điều lệ trở lên)

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	NGHỀ NGHIỆP CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
Nguyễn Quang Tuyên	Phường 12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Chủ tịch HĐQT-Tổng giám đốc	279.600	2.796.000.000	11,44
Võ Văn Sáu	Cam Lợi, Cam Ranh, Khánh Hòa	Buôn bán hải sản	277.680	2.776.800.000	11,36
Huỳnh Thị Điểm	Ba Ngòi, Cam Ranh, Khánh Hòa	Buôn bán nước đá	162.480	1.624.800.000	6,65

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *(Không có)*.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại : 9.400 cổ phiếu;
Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm : *(Không có)*

e) Các chứng khoán khác: *(Không có)*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đơn vị tính : Đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2013</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.218.308.286
2. Các khoản giảm trừ	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.218.308.286
4. Giá vốn hàng bán	133.676.343.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.541.964.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	752.469.521
7. Chi phí tài chính	758.906.968

8. Chi phí bán hàng	2.830.217.918
9. Chi phí quản lý Công ty	5.722.979.191
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.017.670.223)
11.Thu nhập khác	267.773.603
12.Chi phí khác	-
13.Lợi nhuận khác	267.773.603
14.Tổng lợi nhuận trước thuế	(1.749.896.620)
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.749.896.620)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(719)

Tình hình tiêu thụ sản phẩm năm 2013 khó khăn. Do đó trong sản xuất Công ty đã kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu nhằm bảo đảm định mức kỹ thuật, giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm, đặt biệt là các mặt hàng có giá trị gia tăng để nâng cao mức tiêu thụ.

Tuy khó khăn, nhưng Công ty đã giải quyết tốt động lực chính trong sản xuất là người lao động; Công ty đã từng bước tăng lương phù hợp với thực tế giá cả thị trường nhằm bảo đảm đời sống cho CBCN trong Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

(theo số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

<i>S T T</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Tỷ lệ tăng, giảm</i>
I	Tài sản ngắn hạn	62.016.826.987	45.303.960.844	-27%
1	Tiền và các khoản tương đương như tiền	20.774.607.488	4.597.034.423	-78%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	953.007.394	6.981.485.384	632%

	<i>Trong đó : Phải thu khách hàng</i>	809.125.445	6.875.542.896	750%
3	Hàng tồn kho	39.749.433.462	33.044.541.845	-16,9%
4	Tài sản ngắn hạn khác	539.778.643	680.899.192	26,1%
I	Tài sản dài hạn	13.023.766.416	12.334.820.576	-5,3%
1	Tài sản cố định	11.982.239.014	11.129.921.438	-7%
2	Tài sản dài hạn khác	1.041.527.402	1.204.899.138	15,7%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	75.040.593.403	57.638.781.420	-23,2%

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2013 là : 57.638.781.420 đồng giảm 17.401.811.983 đồng so với cuối năm 2012, giảm tương đương 23,2%.

Trong đó, tài sản giảm mạnh là tiền và các khoản tương đương như tiền. Khoản này giảm 16.177.573.065 đồng, tương đương 78%.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm 2013 giảm 6.704.891.617 đồng so với cuối năm 2012, tương đương 16,9%. Giá trị hàng tồn kho giảm chủ yếu do số lượng thành phẩm (TK 155) và thành phẩm gửi kho (TK 157) cuối năm 2013 giảm 7.338.357.334 đồng so với số lượng thành phẩm tồn kho đầu năm.

Khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong các khoản phải thu ngắn hạn. Cuối năm 2013 khoản phải thu khách hàng tăng 6.066.417.451 đồng so với thời điểm cuối năm 2012 (Công ty xuất thành phẩm bán trong tháng 12/2013 nên chưa đến hạn thanh toán, đến nay khách hàng đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn ghi trên hợp đồng ngoại thương).

Do khoản phải thu khách hàng tăng nên các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2013 có số dư 6.981.485.384 đồng, tăng 6.028.477.990 đồng so với cuối năm 2012, tương đương tăng 632%.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã lựa chọn những khách hàng có uy tín và có khả năng tài chính tốt. Chu kỳ thanh toán tiền bán hàng được tính từ khi Công ty chuyển giao sở hữu hàng hóa cho khách hàng cho đến khi khách hàng thanh toán tiền là 30 ngày. Hai bên nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng nên không phát sinh nợ phải thu xấu.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Tỷ lệ</i>
I	Nợ phải trả	39.887.347.356	24.252.950.993	-39%
1	Nợ ngắn hạn	39.887.347.356	24.252.950.993	-39%
	<i>Trong đó : Nợ vay ngân hàng</i>	<i>24.196.842.020</i>	<i>16.572.387.712</i>	<i>-32%</i>
2	Nợ dài hạn	-	-	

Tổng số nợ Công ty phải trả cuối năm 2013 là : 24.252.950.993 đồng, giảm 15.634.396.363 đồng so với cuối năm 2012, tương đương giảm 39%. Khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng chiếm tỷ trọng 68% trong tổng số nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2013. Khoản nợ này giảm 7.624.454.308 đồng, tương đương giảm 32% so với cuối năm 2012, còn lại là các khoản nợ thanh toán trong nước không đáng kể. Khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm giảm do hàng tồn kho giảm.

Tại thời điểm 31/12/2013, dựa trên các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ phải trả.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : 1,87 lần.

Khả năng thanh toán hiện hành : 1,87 lần.

Khả năng thanh toán nhanh : 0,19 lần.

Qua quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, tình hình tài chính của Công ty vững mạnh. Công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đúng hạn, khả năng thanh toán nợ ở mức an toàn, không có nợ phải trả xấu.

Trong năm 2013, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định nên không có sự biến động mạnh về chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức quản lý, chính sách :

Về nguyên liệu: Tập trung mua và dự trữ nhiều nhất nguyên liệu khi điều kiện cho phép, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thay đổi về phương thức thu mua, đây là vấn đề quan trọng để bảo đảm nguyên liệu sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện chủ trương nhập khẩu nguyên liệu, điều đó đã góp phần quan trọng cho việc ổn định sản xuất của Công ty; khi có đủ nguyên liệu sản xuất thì bảo đảm được việc làm cho CBCN, bảo đảm yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm.

Về chính sách đối với người lao động: tập trung giữ vững số lao động

hiện có trên cơ sở từng bước tăng lương, tăng thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm cho họ.

Các biện pháp kiểm soát : định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đã triển khai kiểm soát chứng từ kế toán, kịp thời phát hiện điều chỉnh những thiếu sót trong quá trình hành tự.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Triển vọng và kế hoạch tương lai :

Bám sát thực tế biến động để có giải pháp thích hợp. Đây là chủ trương chung vì không thể lường trước được tình hình kinh tế xã hội cũng như biến động của thời tiết mùa vụ. Tuy nhiên biện pháp chủ yếu:

Củng cố thị trường tiêu thụ đối với khách hàng cũ cũng như mới, tạo mối quan hệ tin cậy, hợp tác tốt hơn.

Tìm thêm nguồn nguyên liệu để dự phòng thiếu hụt từ nước ngoài;

Bảo đảm tiền lương thực tế để lực lượng lao động yên tâm, đồng thời với nhiệm vụ tổ chức sản xuất khoa học, hợp lý, phù hợp với điều kiện chung của xã hội.

Nâng cấp một số cơ sở vật chất trong điều kiện cho phép.

Với tinh thần khắc phục khó khăn, kiên trì với những mục tiêu sản xuất và đội ngũ quản lý nhiệt tình, có kinh nghiệm, đưa sản xuất của Công ty đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (không có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã phối hợp tốt trong công tác quản lý điều hành Công ty để thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt kết quả nhất định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban giám đốc Công ty điều hành đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn, đồng thời phối hợp, quan hệ tốt với các đối tác kinh doanh để hoàn thành các mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra;

Ban giám đốc đã tích cực, chủ động xử lý kịp thời và điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý, tổ chức thực hiện linh hoạt, đồng bộ các giải pháp để giữ ổn định sản xuất kinh doanh năm 2013. Bảo đảm đời sống và việc làm cho cán bộ nhân viên trong Công ty.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Giữ ổn định sản xuất, củng cố thị trường tiêu thụ sản phẩm, giữ mối quan hệ tốt hơn nữa với các đối tác kinh doanh.

Tìm nguồn nguyên liệu để cung cấp đủ cho sản xuất, bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu sản phẩm cho khách hàng tiêu thụ và duy trì ổn định lực lượng lao động.

Tập trung cho sản xuất thủy sản, chưa đầu tư phát triển sản xuất đối với các ngành nghề mới để đủ lực vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỐ HỮU CỔ PHẦN (%)	GHI CHÚ
1	Nguyễn Quang Tuyền	Chủ tịch	11,44	
2	Võ Văn Sáu	Thành viên	11,36	<i>TV không điều hành</i>
3	Lê Thị Ngọc Lan	Thành viên	02,95	
4	Trương Lên	Thành viên	02,95	
5	Lê Thanh Hóa	Thành viên	01,84	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *(Không có)*:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 8 phiên họp, trong đó 6 phiên họp định kỳ, 2 phiên họp bất thường. Nội dung các phiên họp bao gồm: đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, cả năm; quyết định việc trích lập các quỹ từ hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm; thông qua phương án sản xuất kinh doanh và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện vay vốn kinh doanh; quyết định định hướng hoạt động Công ty và các nhiệm vụ công tác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã tham gia tích cực vào công tác lãnh đạo của Hội đồng quản trị; tham gia đầy đủ các cuộc họp, tham gia thảo luận và quyết định các chủ trương lãnh đạo Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (*Không có*)

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (%)	GHI CHÚ
1	Nguyễn Nhân	Trưởng ban	02,75	
2	Huỳnh Thị Điềm	Thành viên	06,65	<i>TV không điều hành</i>
3	Huỳnh văn Phúc	Thành viên	01,82	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã tiến hành 5 phiên họp. Mỗi Quý, sau khi có kết quả quyết toán quý, Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xem toàn bộ sổ sách chứng từ kế toán, báo cáo tài chính. Mỗi đợt làm việc cuối quý này được kết thúc bằng một phiên họp để thống nhất kết quả thẩm định. Sau phiên họp tổng hợp kết quả thẩm định quý 4, Ban kiểm soát đã tiến hành họp phiên cuối năm để thông qua Báo cáo thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và việc duy trì quy chế, quy định theo điều lệ của Công ty và pháp luật để báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:

-Phụ cấp hàng tháng của Thành viên Hội đồng quản trị:

Chủ tịch: 2.500.000 đ

Thành viên: 2.000.000 đ

-Phụ cấp hàng tháng của Thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng ban : 2.000.000 đ

Thành viên : 1.500.000 đ

-Lương hàng tháng của Ban giám đốc:

Tổng giám đốc : 27.000.000 đ

Phó tổng giám đốc : 18.000.000 đ

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (*Không có*)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (*Không có*)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

Đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

(Được trích tại Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty cổ phần Cafico Việt Nam).

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đăng tại Website: www.cafico.vn).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

Đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN QUANG TUYẾN